

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 01 - 9 - 2021

Về việc: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH T NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Dương Viết Vĩnh;

- Bà Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh T Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức T - Sinh ngày: 25/3/1966;

Nơi cư trú: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phan Quang H - Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 01, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2021).

(Ông T vắng mặt, ông H có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị X - Sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà X có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm: 1977 (Là vợ ông T).

Nơi cư trú: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà Q có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:* Anh Bùi Văn T1 - Sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2021, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đức T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Quang H trình bày:

Gia đình ông T kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, từ năm 2017 bà Dương Thị X có đến đại lý của gia đình ông đặt vấn đề mua cám thức ăn chăn nuôi, hình thức lấy hàng nhưng chưa thanh toán trả tiền ngay mà ghi sổ nợ, sau đó sẽ thanh toán theo phương thức trả dần. Đến ngày 10/6/2018, khi chốt sổ, thanh toán thì bà X xác nhận còn nợ tiền mua cám của gia đình ông T bà Q với số tiền 20.955.000 đồng. Từ đó cho đến nay gia đình ông T đi lại đòi nợ và nhắc nhở nhiều lần nhưng bà X không trả được cho gia đình ông T khoản tiền nào. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị X phải có trách nhiệm trả cho gia đình ông số tiền mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc còn nợ lại là 20.955.000 đồng, về lãi suất chậm trả ông không yêu cầu.

Bị đơn bà Dương Thị X trình bày: Bà X thừa nhận khoảng năm 2017, 2018 có được mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc của gia đình ông T, bà Q như lời khai ông T trình bày trên là đúng. Sau khi không mua cám nữa và đến ngày 10/6/2018 khi chốt thanh toán nợ tiền mua cám thì bà X thừa nhận và xác nhận còn nợ lại gia đình ông T số tiền 20.955.000 đồng. Tuy nhiên, bà X cho rằng sau thời điểm chốt nợ nêu trên, tại gia đình bà, khi bà Q đến nhà đòi nợ thì bà đã trả cho bà Q 03 lần với tổng số tiền là 15.700.000 đồng; ngoài ra bà còn đưa cho anh T1 là lái xe thuê cho gia đình ông T (Anh T1 chuyên chở cám thuê đi giao cho khách hàng) 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, khi anh T1 đến nhà bà nên bà đã đưa cho anh T1 số tiền đó nhờ về trả cho vợ chồng ông T, bà Q. Những lần đưa tiền cho bà Q, anh T1 vì tin tưởng nên bà không yêu cầu họ viết biên nhận và cũng không có ai làm chứng; về ngày tháng đưa tiền cho bà Q, anh T1 bà cũng không nhớ rõ, cụ thể ngày tháng nào.

Nay bà X xác định chỉ còn nợ tiền cám gia đình ông T, bà Q khoảng 3.000.000 đồng tính cả lãi. Việc ông T yêu cầu bà trả số tiền còn nợ lại là 20.955.000 đồng là không đúng, bà không nhất trí, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà X mua cám của gia đình bà từ khoảng năm 2016, đến ngày 10/6/2018, khi thanh toán khoản nợ tiền mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc, thì bà X xác nhận còn nợ vợ chồng bà số tiền là 20.955.000 đồng. Từ sau thời gian chốt khoản nợ nêu trên cho đến nay thì bà X chưa trả cho vợ chồng bà một

khoản tiền nào. Việc bà X nói đã trả cho bà số tiền 15.700.000 đồng và trả cho anh Bùi Văn T1 là lái xe thuê thời điểm đó cho gia đình tôi 02 lần là 5.000.000 đồng là không đúng. Nay bà nhất trí quan điểm khởi kiện của chồng bà là ông Nguyễn Đức T, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà X phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền mua cám còn nợ lại là 20.955.000 đồng, về lãi suất chậm trả không yêu cầu.

Người làm chứng trong vụ án anh Bùi Văn T1 trình bày: Anh là lái xe thuê cho gia đình ông T, bà Q nên trong quá trình bà X còn mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc, anh có chở giao cám cho bà Dương Thị X nhiều lần, quá trình còn giao, nhận hàng bà X có nhờ, gửi anh mang gửi tiền về trả cho gia đình ông T. Tuy nhiên từ sau năm 2017, anh không đi làm thuê cho gia đình ông T nữa thì anh không được bà X nhờ cầm tiền về trả cho gia đình ông T nữa.

Sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và các đương sự (Bà X, bà Q) trong vụ án vẫn giữ nguyên lời khai của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T;
- Buộc bà Dương Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông T khoản tiền mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc còn nợ lại là 20.955.000 đồng;
- Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước, hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông T theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh T Nguyên.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ, có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Khoảng năm 2017, 2018 bà Dương Thị X có thỏa thuận thống nhất mua cám thức ăn chăn nuôi của gia đình ông Nguyễn Đức T, với hình thức bà X lấy hàng trước nhưng chưa thanh toán trả tiền ngay mà ghi sổ nợ của gia đình ông T, sau đó sẽ thanh toán theo phương thức trả dần. Đến ngày 10/6/2018, khi chốt sổ, thanh toán thì bà X xác nhận còn nợ tiền mua cám của gia đình ông T bà Q với số tiền 20.955.000 đồng. Từ đó cho đến nay bà X không trả được cho gia đình ông T khoản tiền nào mặc dù gia đình ông T đã đi lại đòi nợ và nhắc nhở nhiều lần. Do đó ông T đã khởi kiện yêu cầu bà X có trách nhiệm trả cho gia đình ông số tiền trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Khoảng các năm 2017, 2018 gia đình ông Nguyễn Đức T đã thỏa thuận, thống nhất bán cho bà Dương Thị X nhiều chuyến hàng cám, thức ăn chăn nuôi gia súc, với giá cả, số lượng, chất lượng. Tuy giữa ông T và bà X không ký kết hợp đồng mua bán tài sản bằng văn bản nhưng việc thỏa thuận mua bán hàng hóa nêu trên giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 385, 398 BLDS nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình mua bán hàng hóa nêu trên, gia đình ông T đã bán cho bà X mặt hàng cám thức ăn chăn nuôi đúng số, lượng, chất lượng và thỏa thuận, thống nhất rõ về giá cả và phương thức thanh toán, trong quá trình mua, bán hai bên không phát sinh tranh chấp. Sau khi dừng hợp đồng, ngày 10/6/2018 bà X đã ký xác nhận còn nợ lại gia đình ông T số tiền 20.955.000 đồng. Như vậy có căn cứ xác định về phía bà X sau khi nhận hàng xong đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho gia đình ông T theo quy định điều 440 BLDS. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T là có căn cứ cần chấp nhận và buộc bà Dương Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền mua cám thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 20.955.000 đồng.

Về lãi xuất chậm trả, ông Nguyễn Đức T không có yêu cầu nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Phía bà X cho rằng sau khi chốt nợ (ngày 10/6/2018) bà đã trả được cho gia đình ông T tổng số tiền là 20.700.000 đồng (Đưa trả cho bà Nguyễn Thị Q vợ ông T số tiền 15.700.000 đồng, đưa cho anh Bùi Văn T1 là lái xe thuê cho gia đình ông T 5.000.000 đồng). Tuy nhiên phía bà Q và anh T1 đều xác định, sau thời điểm chốt nợ ngày 10/8/2018, thì bà X không đưa trả cho bà Q và anh T1 một khoản tiền nào.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà X cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc bà đã đưa trả số tiền trên cho bà Q, anh T1 số tiền trên. Vì vậy ý kiến nêu trên của bà X là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Dương Thị X phải chịu một khoản án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước, hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Đức T theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 86, khoản 1 Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 357, 385, 398, 430, 440, 468 của BLDS; Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức T đối với bà Dương Thị X về việc khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc.

2. Buộc bà Dương Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đức T số tiền mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc còn nợ lại là 20.955.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Ông T), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Bà X) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị X phải chịu 1.047.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

- Ông Nguyễn Đức T không phải chịu án phí DSST; hoàn trả lại cho ông T số tiền 523.000 đồng (Năm trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 0000510 ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Báo cho ông Nguyễn Đức T, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Ông Phan Quang H); bà Dương Thị X và bà Nguyễn Thị Q biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh T Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn